

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGHĨA LỘ
TỈNH YÊN BÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **09/HNGĐ-ST**

Ngày: 16/5/2022

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGHĨA LỘ, TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Quốc Hưng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Ngô Quốc Tuấn

2. Bà Phạm Thị Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thúy Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Nguyên Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ, tỉnh Yên Bái; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 22/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2022 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần hai số: 06/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Mè Thị Q, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Bản P, xã Ng, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

“Có đơn xét xử vắng mặt”

2. Bị đơn: Anh Hà Đình T, sinh năm 1979.

Nơi ĐKKHKT: Thôn N, xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

Chỗ ở hiện nay: Bản P, xã Ngc, thị xã N, tỉnh Yên Bái.

“Vắng mặt không có lý do”

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Mè Thị Q trình bày: Chị và anh Hà Đình T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 02/3/2018 tại UBND xã Ng, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Sau khi kết hôn chị và anh T cùng sinh sống tại bản P, xã Ng, thị xã N. Đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, ngoài ra anh T hay uống rượu, khi uống say anh T thường chửi mắng chị Q, không tu chí làm ăn và hay đi vay mượn tiền, chị Q nhiều lần phải trả nợ thay cho anh T. Ngoài ra, chị Q cho rằng anh T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến hai bên

thường xuyên xảy ra tranh cãi. Khi hai anh chị xảy ra mâu thuẫn có được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay chị Q xác định không còn tình cảm đối với anh T nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Về con chung: Chị Mè Thị Q và anh Hà Đình T không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình chị Q đã cung cấp cho Tòa án gồm: Bản chính Chứng nhận kết hôn giữa Mè Thị Q và Hà Đình T; Bản sao Căn cước công dân của Mè Thị Q; Bản sao Giấy chứng minh nhân dân của Hà Đình T; Bản sao sổ hộ khẩu gia đình ghi tên chủ hộ Hà Đình T.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh Hà Đình T đồng thời triệu tập anh T đến Tòa án làm việc nhưng anh T đều vắng mặt. Tòa án đã xác minh tại chính quyền địa phương thì được biết anh T có biết Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh T thông qua chính quyền địa phương nhưng anh T cố tình không đến để giải quyết vụ án.

Tại biên bản xác minh thể hiện anh Hà Đình T và chị Mè Thị Q có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật và đúng như chị Q trình bày. Nhưng trong quá trình chung sống giữa anh T và chị Q thường xuyên xảy ra tranh cãi do anh T thường hay uống rượu, khi uống rượu say anh Q thường chửi bới chị Q và gia đình chị Q. Ngoài ra, anh T không tu chí làm ăn thường xuyên vay mượn tiền của nhiều người và chị Q phải trả nợ thay. Nay chị Q làm đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chị Q yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải.

* Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật là không thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn khởi kiện của chị Mè Thị Q, xử cho chị Mè Thị Q được ly hôn với anh Hà Đình T.

+ Về con chung: Chị Mè Thị Q và anh Hà Đình T không có con chung.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, phát biểu quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Ngày 14/02/2022 chị Mè Thị Q có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Hà Đình T có hộ khẩu thường trú tại Thôn N, xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Căn cứ quy định tại Điều 28; Điều 35; Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ.

[2]. *Về thủ tục tố tụng:*

Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-HNGĐ, Giấy triệu tập và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2022, Quyết định đưa vụ án ra xét xử lần hai số: 12/2022/QĐXXST-HNGĐ nhưng tại phiên tòa hôm nay anh Hà Đình T vẫn vắng mặt không có lý do, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn do đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ cố tình trốn tránh nghĩa vụ đối với nguyên đơn, vi phạm nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt anh Hà Đình T. Đối với chị Q cũng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:*

Chị Mè Thị Q và anh Hà Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký ngày 02/3/2018 tại UBND xã Ng, thị xã N, tỉnh Yên Bái. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống đến năm 2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu do bất đồng về quan điểm sống, anh T hay uống rượu, khi say rượu giữa đôi bên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Khi giữa hai anh chị xảy ra mâu thuẫn có được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả, vợ chồng không còn tình cảm, không còn sự quan tâm đến nhau nữa, đã ly thân từ năm 2019 thể hiện hôn nhân của họ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy yêu cầu xin ly hôn của chị Mè Thị Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con chung:* Chị Mè Thị Q và anh Hà Đình T không có con chung.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Mè Thị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về án phí:* Chị Mè Thị Q phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Mè Thị Q.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Mè Thị Q được ly hôn anh Hà Đình T.

2. Về án phí: Chị Mè Thị Q phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số AA/2021/0001091 ngày 14/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghĩa Lộ; chị Q đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Mè Thị Q, Anh Hà Đình T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- CCTHADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND xã Nghĩa Phúc;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Đặng Quốc Hưng

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Quốc Hưng

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND TX Nghĩa Lộ;
- CCTHADS TX Nghĩa Lộ;
- UBND P. Cầu Thia;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Thị Phú